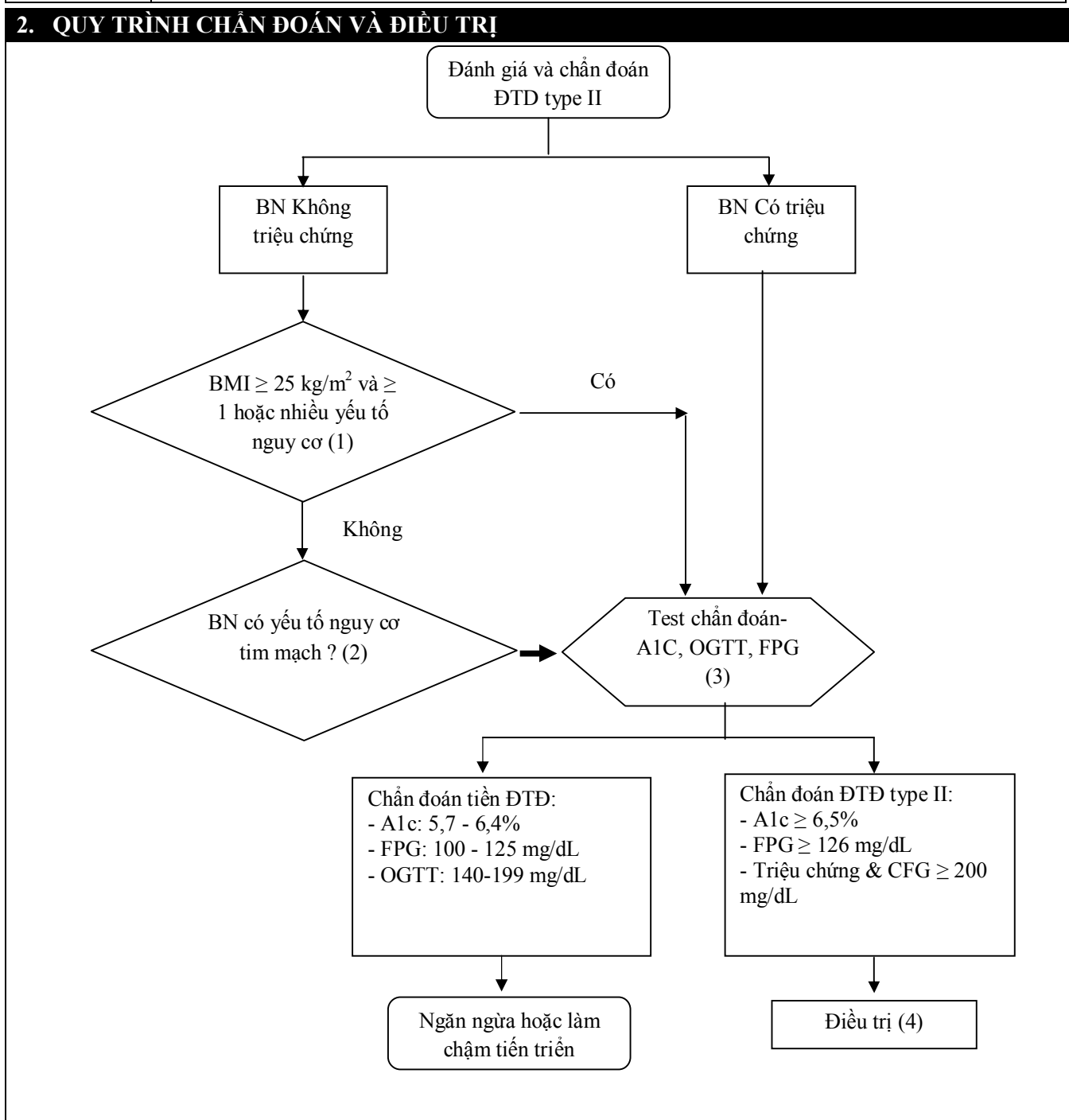


<div style="border: 1px solid black; border-radius: 50%; width: 40px; height: 40px; margin: 0 auto; display: flex; align-items: center; justify-content: center;"> Logo </div> <p style="text-align: center; margin-top: 10px;">QUY TRÌNH CHUYÊN MÔN KCB ĐÁI THÁO ĐƯỜNG TYPE II KHÔNG BIẾN CHỨNG</p>	Họ và tên NB: Ngày sinh: Giới: Địa chỉ: Số phòng: Số giường: Mã NB/Số HSBA:
---	---

Lưu ý: Đánh dấu sự lựa chọn (“✓” : có/ “X” : không) vào ô . Khoang tròn nếu lựa chọn nội dung;
 (*) xem thêm chi tiết nội dung trong phụ lục x tương ứng.

1. ĐÁNH GIÁ TRƯỚC KHI VÀO QUY TRÌNH	
Tiêu chuẩn đưa vào:	<input type="checkbox"/> ĐH lúc đói $\geq 126\text{mg}$ ($\geq 7\text{ mmol/l}$) hoặc <input type="checkbox"/> ĐH ngẫu nhiên $\geq 200\text{ mg/dl}$ ($\geq 11,1\text{ mmol/l}$) và <input type="checkbox"/> HbA1c $\geq 6,5\%$ <input type="checkbox"/> Triệu chứng cổ điển
Tiêu chuẩn loại ra:	<input type="checkbox"/> ĐH ngẫu nhiên $\geq 200\text{ mg/dl}$ ($\geq 11,1\text{ mmol/l}$) không có triệu chứng cổ điển <input type="checkbox"/> HbA1C $< 6,5\%$ (không có tiền sử ĐTĐ)
Tiền sử:	<input type="checkbox"/> Tiền sử dị ứng Ghi rõ:.....



3. MỤC TIÊU ĐIỀU TRỊ					
1 - Đường huyết trước bữa ăn và lúc đói: 80 - 130 mg/dL (4,4-7,2 mmol/l)					
2 - Đường huyết ngẫu nhiên: < 180 mg/dL (8-10 mmol/l)					
3 - Đường huyết sau ăn 2 giờ: < 180 mg/dl					
4 - HA: ≤ 130/80 mmHg; BMI: 18,5 - 23					
4. DIỄN TIẾN BỆNH VÀ ĐIỀU TRỊ					
	N1	N2	N3	N4	Nn
Lâm sàng:					
- Uông nhiều	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Khát nhiều	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Tiểu nhiều	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Cân nặngKgKgKgKgKg
- Khác
Cận lâm sàng:					
- ĐH (mg/dL)
- A1c (%)
Điều trị:					
- Metformin	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Liều....mg/ngày
- DPP-4i	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Liều....mg/ngày
- TZD	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Liều....mg/ngày
- SU	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Liều....mg/ngày
- Insulin	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Liều...UI/ngày
Chăm sóc:					
- Chế độ ăn					
- Hạn chế muối					
-					
5. XUẤT VIỆN					
Tiêu chuẩn xuất viện	<input type="checkbox"/> Hết triệu chứng cổ điển		<input type="checkbox"/> FPG < 140 mg/dL		
	<input type="checkbox"/> Bệnh nhân tình táo hoàn toàn				
Tình trạng xuất viện	<input type="checkbox"/> Khỏe		<input type="checkbox"/> Kết thúc quy trình		
	<input type="checkbox"/> Không khỏe		<input type="checkbox"/> Ra khỏi quy trình		
	<input type="checkbox"/> Nặng hơn				
	<input type="checkbox"/> FPG:mg/dL				
Hướng điều trị tiếp	<input type="checkbox"/> Mục tiêu : A1c%		<input type="checkbox"/> Insulin		
	<input type="checkbox"/> Metfomin		<input type="checkbox"/> Tự kiểm soát ĐH mỗi 1 lần/tuần		
	<input type="checkbox"/> DPP-4i		<input type="checkbox"/> HbA1c: mỗi 3 tháng		
	<input type="checkbox"/> SU		<input type="checkbox"/> Tái khám mỗi tháng		
	<input type="checkbox"/> TZD		<input type="checkbox"/> Số ngày điều trị tiếp theo:.... ngày		
6. QUẢN LÝ VÀ TƯ VẤN BỆNH NHÂN					
<input type="checkbox"/> Thông tin GDSK (thay đổi lối sống)	<input type="checkbox"/> Tự kiểm tra ĐH mao mạch		<input type="checkbox"/> Dấu hiệu nhận biết hạ ĐH		
	<input type="checkbox"/> Chế độ ăn bình thường		<input type="checkbox"/> Chăm sóc chân		
	<input type="checkbox"/> Giảm muối < 2,3 mg/ngày		<input type="checkbox"/> Rượu < 20g/ngày (bia được chọn lựa tốt hơn rượu)		
	<input type="checkbox"/> Hoạt động thể lực 150 phút/tuần (đi nhanh)		<input type="checkbox"/> Ngưng thuốc lá (nếu có hút)		
	<input type="checkbox"/> Giảm cân khi BMI > 25 (giảm 5-10% so với cân nặng ban đầu)				

7. PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Bảng các yếu tố nguy cơ

- Phụ nữ sinh con có cân nặng > 9 lb hoặc tiền sử ĐTĐ trong thai kỳ
- Phụ nữ có H/c buồng trứng đa nang
- Tiền ĐTĐ
- Tình trạng lâm sàng liên quan đến đề kháng Insulin (v.d béo phì)

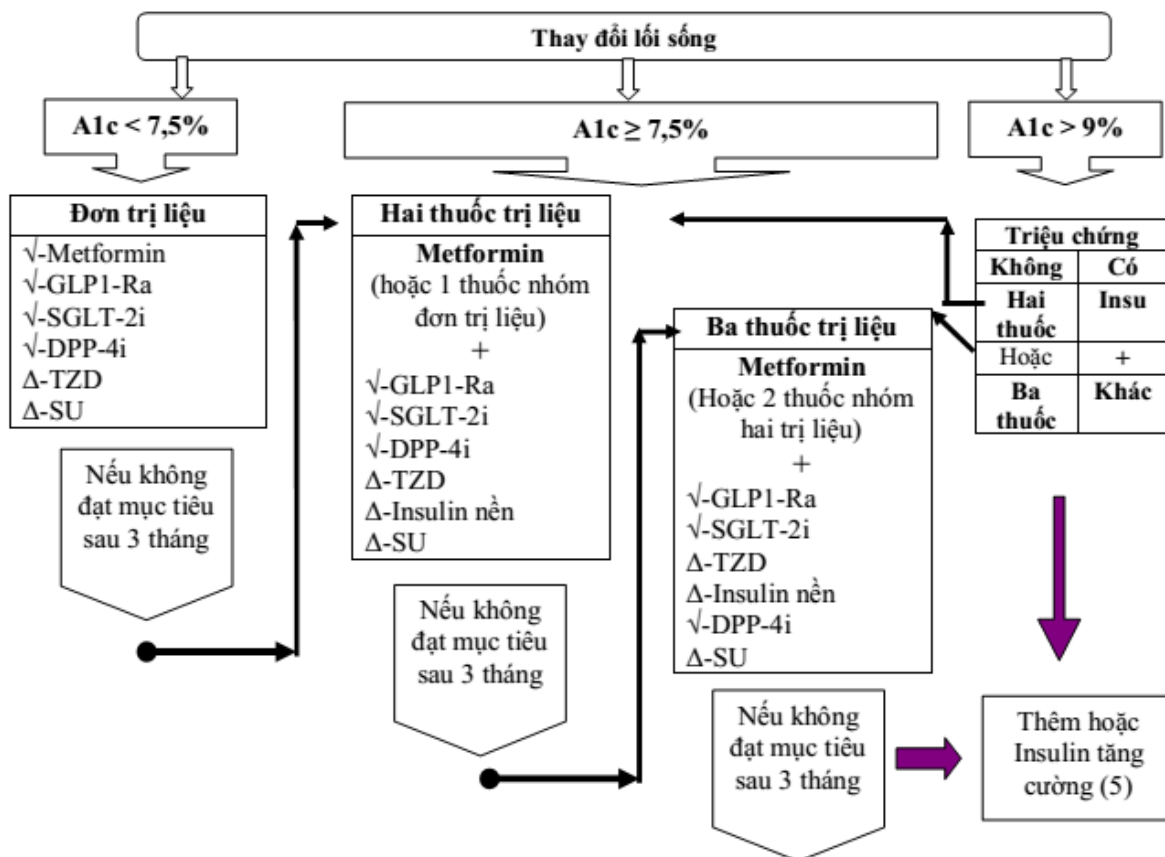
Phụ lục 2: Yếu tố nguy cơ tim mạch

- Bệnh lý mạch vành
- Tăng huyết áp ($\geq 140/90$ mmHg hoặc đang điều trị THA)
- HDL cholesterol < 35 mg/dL
- Triglyceride > 250 mg/dL
- LDL cholesterol > 70 và thang điểm nguy cơ biến cố tim mạch trong 10 năm > 7,5

Phụ lục 3: Test chẩn đoán

- HbA1c $\geq 6,5$ %
- FPG ≥ 126 mg/dL (≥ 7 mmol/l)
- OGTT : PG ≥ 200 mg/dL ($\geq 11,1$ mmol/l)
- BN có triệu chứng ĐTĐ + CPG (ĐH ngẫu nhiên) ≥ 200 mg/dL ($\geq 11,1$ mmol/l)

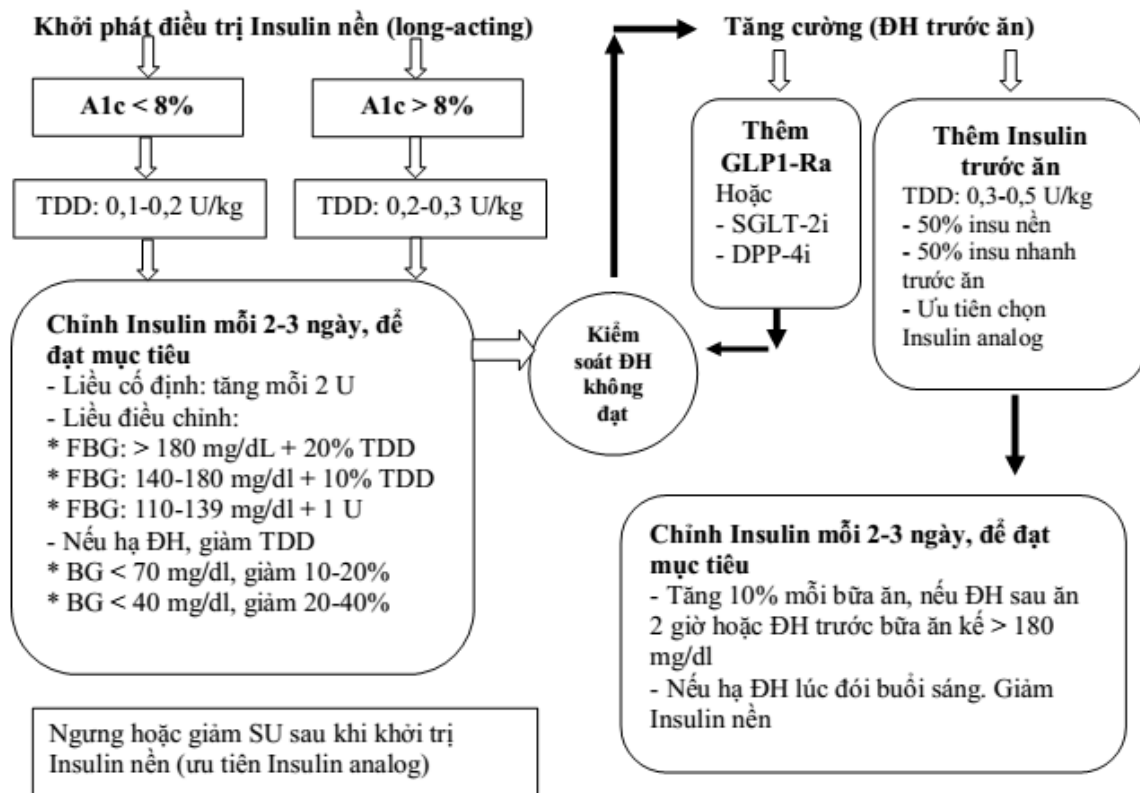
Phụ lục 4: Điều trị



Ghi chú:

- √ nên thực hiện (ưu tiên)
- Δ Cần cân nhắc (lựa chọn thứ 2)
- FPG: đường huyết lúc đói
- OGTT: nghiệm pháp dung nạp đường qua đường uống

Phụ lục 5: Thêm hoặc insulin tăng cường



Ghi chú:

TDD: tổng liều/ngày

FBG: đường huyết lúc đói

OGTT: nghiệm pháp dung nạp ĐH qua đường uống 75g Glucose

ĐH: đường huyết

CFG: đường huyết ngẫu nhiên

HA: huyết áp

TDD: tiêm dưới da